

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;
2. Bà Trương Thị Bé Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95A/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp F, xã T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đăk Nông. Sau thời gian sống chung và hạnh phúc thì đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất hoà, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Có 02 con chung **Trần Quốc S**, sinh ngày 01/7/2011 và **Trần Quốc A**, sinh ngày 18/4/2018, hiện đang sống với chị **L**, chị **L** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh **Trần Văn N** từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh **N** biết mà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim L**. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Kim L** với anh **Trần Văn N**. Về con chung: Cháu **S** và cháu **A** đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ là chị **Nguyễn Thị Kim L** sau khi cha mẹ ly hôn nên đề nghị chấp nhận cho chị **L** được tiếp tục nuôi hai con chung. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim L** vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh **Trần Văn N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim L** với anh **Trần Văn N**. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị Kim L** với anh **Trần Văn N** là hôn nhân hợp pháp vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị **Nguyễn Thị Kim L** với anh **Trần Văn N** kết hôn vào năm

2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau thời gian sống chung và hạnh phúc thì đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất hoà, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Nay chị L cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N. Xét thấy thời gian ly thân của chị L và anh N đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung Trần Quốc S, sinh ngày 01/7/2011 và Trần Quốc A, sinh ngày 18/4/2018, hiện đang sống với chị L. Cháu S và cháu A đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Kim L sau khi cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận cho chị L được tiếp tục nuôi hai con chung là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Kim L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh Trần Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim L với anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Kim L. Chị Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục nuôi hai con chung Trần Quốc S, sinh ngày 01/7/2011 và Trần Quốc A, sinh ngày 18/4/2018, hiện đang sống với chị L. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho hai con.

Chị Nguyễn Thị Kim L cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở anh Trần Văn N trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 5973 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;

tòa

- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;

- Các đương sự;

- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nguyễn Phương Thảo

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bé Sáu Nguyễn Quốc Sử

Nguyễn Phương Thảo

